

NIÊN BIỂU HỒ BIỂU CHÁNH (1884-1958)

Huệ Khải*

Lời Tòa soạn: Trong cuộc hội thảo quốc tế “Quá trình hiện đại hóa văn học Nhật Bản và các nước khu vực văn hóa chữ Hán: Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc”, tổ chức hai ngày 18 và 19/3/2010, tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia TP HCM, tham luận của PGS Tôn Phương Lan (Viện Văn học) mở đầu như sau: “... quá trình hiện đại hóa nền văn học Việt Nam diễn ra từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và ngày một tăng tốc mà đỉnh cao của nó là giai đoạn 1930-1945 thì không cần phải bàn cãi. (...) Một trong những nhà văn góp vào việc khai mở con đường đi đến đỉnh cao ấy là Hồ Biểu Chánh.” Tác giả kết luận: “Vai trò của Hồ Biểu Chánh trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX là điều không thể phủ nhận.”^[1] Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) nhận định: “Hồ Biểu Chánh viết về đề tài đạo đức, miêu tả sự đấu tranh giữa người tốt và người xấu, kết thúc là chiến thắng của chính nghĩa. Ông luôn thiên về những nhân vật cao thượng, nghĩa hiệp theo truyền thống của văn chương Nam Bộ.”^[2] Để có thêm một góc nhìn về Hồ Biểu Chánh, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* giới thiệu sau đây một niên biểu khá chi tiết về nhà văn này, trích trong *Hồ Biểu Chánh xưa và nay* của Huệ Khải (sắp xuất bản).



Hồ Biểu Chánh
(1884-1958).

Thư Hồ Biểu Chánh viết cho các con:

“... Ba chỉ nói với con rằng sự nghiệp ba để lại cho các con hiện thời chỉ có một tấm gương sáng ngay và trong sạch mà thôi. Ba ước mong các con noi theo tấm gương ấy mà lập thân. Theo con mắt của người đời nay ... thì tấm gương ấy dường như mất giá. Nhưng nếu con ngó xa ra một chút, thì con sẽ thấy phú quý tuy rực rỡ mà ít bền vững, còn đạo đức tuy êm đềm song vui vẻ.”⁽¹⁾

1884: Ngày 15/8, chào đời tại làng Bình Thành,⁽²⁾ tổng Hòa Lạc Thượng, tỉnh Gò Công, trong một gia đình nghèo. Trong giấy khai sinh ghi ngày 01/10/1885,⁽³⁾ họ và tên là *Hồ Văn Trung* (là con thứ năm trong số mười hai người). Có thêm tự *Biểu Chánh*,⁽⁴⁾ hiệu *Thứ Tiên*,⁽⁵⁾ bút danh *Hồ Biểu Chánh*.

Ông nội: Hồ Hữu Đức, có công lập làng, được tôn làm tiên hiền và thờ trong đình làng.

Bà nội: Phan Thị Huệ.

Cha: Hồ Hữu Tạo (sinh năm 1857; mất ngày 30/9/1912, tức 20/8 năm Nhâm Tý), làm Thôn trưởng trong Bàn Hội tề,⁽⁶⁾ rồi lần lượt giữ các chức vụ: Hương thân, Hương chánh, Hương sư, Hương chủ, rồi Chánh bái.

* Thành phố Hồ Chí Minh.

^[1] <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>: “Đóng góp của Hồ Biểu Chánh vào tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX”.

^[2] <http://bachkhoatoanthu.vass.gov.vn>

Mẹ: Nguyễn Thị Kỷ (sinh năm 1858; mất ngày 09/02/1939, tức 21/12 năm Mậu Dần).

Vợ: Đào Thị Nhựt (sinh năm 1894; mất ngày 30/8/1959, tức 27/7 năm Kỷ Hợi).

Các con (năm trai, bốn gái):

1. Hồ Văn Kỳ Trân (trưởng nam, sinh năm 1911 tại tỉnh Chợ Lớn; mất năm 1981 tại Austin, Texas, Hoa Kỳ).

2. Hồ Ngọc Ưởng (gái, sinh năm 1912 tại làng An Xuyên, tỉnh Cà Mau; mất năm 2005 tại Hoa Kỳ).

3. Hồ Văn Minh Cảnh (nam, sinh năm 1914 tại làng Bình Đức, tỉnh Long Xuyên; mất năm 1946 tại tỉnh Trà Vinh).

4. Hồ Văn Vân Anh (gái, sinh năm 1916 tại làng Bình Đức, tỉnh Long Xuyên; mất năm 2010 tại quận Gò Vấp, TPHCM).

5. Hồ Ngọc Sương (gái, sinh năm 1922 tại tỉnh Chợ Lớn; mất năm 1955 tại tỉnh Gia Định).

6. Hồ Văn Madeleine (gái, mất lúc mới sinh năm 1924 tại Sài Gòn).

7. Hồ Văn Di Thuần (nam, sinh năm 1928 tại quận Càng Long, tỉnh Trà Vinh; mất năm 1994 ở California, Hoa Kỳ).

8. Hồ Văn Di Hình (nam, sinh năm 1928 tại quận Càng Long, tỉnh Trà Vinh; mất năm 2002 tại Pháp). Di Thuần và Di Hình là anh em sinh đôi.

9. Hồ Văn Ứng Kiệt (nam, sinh năm 1934 tại quận Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ; rớt máy bay tử nạn năm 1964 tại tỉnh Phú Yên).

1893-1897: Học chút ít chữ Nho với thầy giáo làng.

1898: Cha mẹ dời nhà về chợ Giồng Ông Huê (làng Vĩnh Lợi).⁽⁷⁾ Học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường tổng Vĩnh Lợi.

1899-1902: Học trường tỉnh Gò Công, được học bổng ba năm.

1902-1903: Học collège de Mỹ Tho.⁽⁸⁾

1903-1905: Được học bổng lên Sài Gòn, theo học collège Chasseloup-Laubat.⁽⁹⁾

1905: Đậu bằng Thành chung (*Diplome de Fin d'Etudes*).

1906: Thi đậu, làm Ký lục⁽¹⁰⁾ tại Phủ Thống đốc Nam Kỳ (Sài Gòn),⁽¹¹⁾ tòng sự tại Dinh Hiệp lý (*Direction des Bureaux du Gouvernement*).⁽¹²⁾

1906-1909: Muốn viết văn kể chuyện trong nước cho đồng bào biết, do đó học chữ Nho ba năm.⁽¹³⁾

1908: Ngày 18/01, kết hôn với Đào Thị Nhựt (sinh ngày 12/8/1894, người Gò Công, con của ông Đào Văn Liễu, tự Thơm, và bà Nguyễn Thị Trừu).

1910: Tại Sài Gòn, viết:

Tân soạn cổ tích (trích dịch cổ văn Trung Quốc: *Tình sử và Kim cổ kỳ quan*).
U tình lục (truyện thơ, thể lục bát).⁽¹⁴⁾

1912: Tổng sự tại Tòa Bố tỉnh Cà Mau (*Inspection de Cà Mau*).⁽¹⁵⁾

Viết: *Ai làm được* (tiểu thuyết, sửa chữa và in tại Sài Gòn năm 1922).⁽¹⁶⁾

1913: Tổng sự tại Tòa Bố tỉnh Long Xuyên. Viết: *Chúa tàu Kim Quy* (tiểu thuyết, sửa chữa và in tại Sài Gòn 1922).⁽¹⁷⁾

Vậy mới phải (truyện thơ).⁽¹⁸⁾

Vì nghĩa quên nhà (kịch).

Từ 1913 tới 1922, không viết thêm quyển tiểu thuyết nào, chỉ viết báo, soạn kịch.⁽¹⁹⁾

1917: Cộng tác với *Đại Việt tạp chí* (của Hội Khuyển học Long Xuyên).

1918: Tổng sự tại Tòa Bố tỉnh Gia Định, phụ bút cho mấy tờ báo *Quốc dân diễn đàn*, *Nông cổ mín đàm*, *Công luận báo*, *Lục Tỉnh tân văn*, *Đông Pháp thời báo*.

1920: Làm việc tại Phủ Thống đốc Nam Kỳ. Ngày 28/12, được thưởng huân bài danh dự bằng bạc.

1921: Thi đậu ngạch Tri huyện.⁽²⁰⁾ Ngày 06/4, được triều đình Huế thưởng huy chương *Kim Tiền* (*medaille Kim Tiền*).

1922: Viết báo bị kiểm duyệt gắt gao nên quay lại viết tiểu thuyết.⁽²¹⁾

Tại Sài Gòn, viết:

Lửa ngún thành linh (kịch, dịch từ tiếng Pháp).

Tình anh em (kịch).

Toại chí bình sanh (kịch).

1923: Tại Sài Gòn, viết:

Cay đắng mùi đời (tiểu thuyết).⁽²²⁾

Một chữ tình (tiểu thuyết).

Tĩnh mộng (tiểu thuyết).

1924: Ngày 26/8, được tặng huân chương *Monisaraphon* (*Ordre royal du Monisaraphon*) của Hoàng gia Cam Bốt (*Cambodge*).⁽²³⁾

Tại Sài Gòn, viết: *Nam cực tinh huy* (tiểu thuyết).

1925: Tại Sài Gòn, viết:

Nhơn tình ấm lạnh (tiểu thuyết).

Tiền bạc, bạc tiền (tiểu thuyết).

1926: Tại Sài Gòn, viết:

Chưởng Hậu Quân Võ Tánh (khảo luận).

Ngọn cỏ gió đùa (tiểu thuyết).⁽²⁴⁾

Thanh lệ kỳ duyên (tuồng hát bội, nhuận sắc 1941?).

Thầy Thông ngôn (tiểu thuyết).⁽²⁵⁾

1927: Thăng lên ngạch Tri phủ,⁽²⁶⁾ làm Chủ quận (Quận trưởng) quận Càng Long, tỉnh Trà Vinh.



Ngày 25/3, được thưởng huân chương Đại Nam Long Tinh (*Ordre royal du Dragon de l'Annam*).⁽²⁷⁾

1928: Tại quận Càng Long (tỉnh Trà Vinh), viết:

Chút phận linh đình (tiểu thuyết).⁽²⁸⁾

Kẻ làm người chịu (tiểu thuyết).⁽²⁹⁾

1929: Tại quận Càng Long, viết:

Cha con nghĩa nặng (tiểu thuyết).⁽³⁰⁾

Khóc thầm (tiểu thuyết).

Người vợ hiền (thể loại?).⁽³¹⁾

Vì nghĩa vì tình (tiểu thuyết).⁽³²⁾

1930: Tại quận Càng Long, viết:

Con nhà nghèo (tiểu thuyết).

Nặng gánh cang thường (tiểu thuyết).

1931: Tại quận Càng Long, viết: *Con nhà giàu* (tiểu thuyết).⁽³³⁾

1932: Làm Chủ quận tại quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ.

1934: Làm Chủ quận tại quận Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ.

1935: Về Sài Gòn làm Phó chủ sự Phòng 3, kiểm soát ngân sách tỉnh và thành phố.

Tại Vĩnh Hội (Sài Gòn), viết:

Chuyện trào phúng (truyện ngắn, hai tập).

Cười gương (tiểu thuyết).

Dây oan (tiểu thuyết).

Một đời tài sắc (tiểu thuyết).

Ở theo thời (tiểu thuyết).⁽³⁴⁾

Ông Cử (tiểu thuyết).⁽³⁵⁾

Thiệt giả, giả thiệt (tiểu thuyết).

1936: Thăng ngạch Đốc phủ sứ; làm đơn xin hưu trí. Tại Vĩnh Hội, viết:

Đóa hoa tàn (tiểu thuyết).⁽³⁶⁾

Nợ đời (tiểu thuyết).

1937: Tháng 01: Nhận nghị định cho nghỉ hưu, nhưng mãi đến năm 1941 mới được về hưu.

Ngày 02/9, được thưởng huân chương *Ordre royal du Cambodge*.⁽³⁷⁾

Tại Vĩnh Hội (Sài Gòn), viết:

Lạc đường (tiểu thuyết).

Nghĩa vợ chồng (kịch).⁽³⁸⁾

Tân Phong nữ sĩ (tiểu thuyết).

Từ hôn (tiểu thuyết).

1938: Tại Vĩnh Hội, viết:

Bỏ chồng (tiểu thuyết).

Bỏ vợ (tiểu thuyết).



Lời thề trước miếu (tiểu thuyết).
Người thất chí (tiểu thuyết).⁽³⁹⁾
Tại tôi (tiểu thuyết).
Ý và tình (tiểu thuyết, nhuận sắc 1942?).

1939: Tại Vĩnh Hội, viết:
Hai khối tình (tiểu thuyết).
Tìm đường (tiểu thuyết).
Đoạn tình (tiểu thuyết).⁽⁴⁰⁾

1941:

Ngày 04/8: Được cử làm Nghị viên Hội đồng Liên bang Đông Dương.

Ngày 26/8 được cử làm Nghị viên kiêm Phó đốc lý⁽⁴¹⁾ thành phố Sài Gòn. Cuối năm, làm Nghị viên trong Ban Quản trị thành phố Sài Gòn-Chợ Lớn.

Ngày 09/8, được thưởng *Bắc Đẩu bội tinh* hạng năm (*Chevalier de la Légion d'Honneur*).⁽⁴²⁾

Tại Vĩnh Hội, viết:
Ái tình miếu (tiểu thuyết).
Cư kinh (tiểu thuyết).
Ký ức cuộc đi Bắc Kỳ (hồi ký).

1942: Tại Sài Gòn, viết: *Pétain cách ngôn Á Đông triết lý hiệp giải* (khảo luận).

1942-1943: Làm chủ nhiệm bán nguyệt san *Đại Việt tạp chí* (của Hội Khuyến học Long Xuyên),⁽⁴³⁾ và làm chủ nhiệm *Nam Kỳ tuần báo* xuất bản tại Sài Gòn.⁽⁴⁴⁾

1943: Tại Vĩnh Hội, viết:
Hai khối tình (tuồng cải lương).
Mẹ ghẻ con ghẻ (tiểu thuyết).
Nguyệt Nga cống Hồ (tuồng cải lương).

1944: Tại Vĩnh Hội (Sài Gòn), viết:
Cái chết của người xưa (diễn văn).
Chấn hưng văn học Việt Nam (khảo luận).
Chị Hai tôi (đoản thiên).
Gia Định Tổng trấn (khảo luận).
Gia Long khai quốc văn thần (khảo luận).
Gia Long khai quốc võ tướng (khảo luận).
Hai Thà cưới vợ (đoản thiên).
Hoài quốc công Võ Tánh (bài báo, ngày 01/3/1944).
Mấy ngày ở Bến Súc (hồi ký).
Một đóa hoa rừng (đoản thiên).
Ngập ngừng (đoản thiên).
Thầy Chung trúng số (đoản thiên).
Trung Hoa tiểu thuyết lược khảo (khảo luận).



Vườn xưa ghé mắt (đăng trên *Đại Việt tạp chí* số 39, ngày 16/5/1944).

1945: Thôi chức Nghị viên trong Ban Quản trị thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn.

Tại Bến Súc, viết:

Chuyện lạ trên rừng (truyện ngắn).

Đại nghĩa diệt thân (kịch).

Đông Châu liệt quốc chí bình nghị (khảo luận).

Tu dưỡng chí nam (khảo luận).

Tại Bình Xuân (thuộc tỉnh Gò Công?), viết:

Công chúa kén chồng (tuồng hát bội).

Một lần chánh khí: Văn Thiên Tường (khảo luận).

Pháp Quốc tiểu thuyết lược khảo (khảo luận).

Trương Công Định quy thần (tuồng hát bội).

Xả sanh thủ nghĩa (tuồng hát bội).

Ngoài ra còn viết:

Mạnh Tử với chủ nghĩa dân chủ (diễn văn).⁽⁴⁵⁾

Tiểu sử Trương Công Định (khảo luận).⁽⁴⁶⁾

1946: Làm Chánh văn phòng cho “chánh phủ” Cộng hòa tự trị Nam Kỳ⁽⁴⁷⁾ của Thủ tướng Nguyễn Văn Thỉnh (1888-1946). Sau khi bác sĩ Nguyễn Văn Thỉnh tự tử, Hồ Văn Trung bỏ hẳn nghề công chức, trở về Gò Công.

Viết: *Nhà Nho với chánh trị* (diễn văn).⁽⁴⁸⁾

1947: Tại Gò Công, viết:

Nhơn quân tẩn hóa sử lược (khảo luận).

Vì nước vì dân (tuồng cải lương).

1948: Tại Gò Công, viết:

Âu Mỹ cách mạng sử (khảo luận).

Chánh trị giáo dục (khảo luận).

Địa vị của đàn bà Việt Nam (diễn văn).

Độc lập trong Liên hiệp Pháp (diễn văn).

Giáo lý của đạo Phật (diễn văn).

Một thiên ký ức: Nam Kỳ Cộng hòa tự trị (hồi ký).

Nho giáo (diễn văn).

Nho học danh thơ (khảo luận).

Phật tử tu tri (khảo luận).

Thành ngữ tạp lục (khảo luận).

Truyện kỳ lục (truyện ngắn).

Tùy bút thời đàm (tùy bút).

Việt ngữ bốn nguyên (khảo luận).

1949: Tại Gò Công, viết:

Địa dư đại cương (khảo luận).

Hoàn cầu thông chí (khảo luận).

Nhàn trung tạp ký (hồi ký, ba tập).

Tâm hồn tôi (hồi ký).

Thiền môn chư Phật (khảo luận).

1950: Viết:

Phật giáo cảm hóa Trung Hoa (khảo luận).

Phật giáo vào Việt Nam (khảo luận).

1951: Viết:

Nho giáo tinh thần (khảo luận).

Trung Hoa cao sĩ, ẩn sĩ, xử sĩ (khảo luận).

1953: Tại Gò Công, viết:

Bức thư hối hận (tiểu thuyết).

Trọn nghĩa vẹn tình (tiểu thuyết).

1954: Tại Gò Công, viết: *Nặng bầu ân oán* (tiểu thuyết).

Tại Sài Gòn, viết:

Đồ Nương Nương báo oán (tiểu thuyết).

Lá rụng hoa rơi (tiểu thuyết, viết xong 1955).⁽⁴⁹⁾

1955: Trường Mỹ nghệ Thực hành Biên Hòa⁽⁵⁰⁾ tặng Hồ Biểu Chánh tượng bán thân bằng đồng, hiện đang làm tượng thờ tại Nhà Lưu niệm (An Tất Viên, số 30/23 đường số 8, tổ 40, phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM).

Tại Sài Gòn, viết:

Đại nghĩa diệt thân (tiểu thuyết).

Hai chồng (tiểu thuyết).

Hai vợ (đoản thiên).

Lòng dạ đàn bà (đoản thiên).

Tơ hồng vương vấn (tiểu thuyết).

Ông Cả Bình Lạc (tiểu thuyết, viết xong 1956).⁽⁵¹⁾

Trả nợ cho cha (tiểu thuyết, viết xong 1956).⁽⁵²⁾

1956: Tại Sài Gòn, viết:

Một duyên hai nợ (tiểu thuyết).

Những điều nghe thấy (tiểu thuyết).

Trong đám cỏ hoang (tiểu thuyết, viết xong 1957).⁽⁵³⁾

Vợ già chồng trẻ (tiểu thuyết, viết xong 1957).⁽⁵⁴⁾

1957: Tại Phú Nhuận, viết:

Chị Đào, chị Lý (tiểu thuyết).

Đón gió mới, nhắc chuyện xưa (tiểu thuyết).

Đời của tôi (hồi ký, gồm ba phần: Về quan trường; Về văn nghệ; Về phong trào cách mạng).

Hạnh phúc lối nào (tiểu thuyết).

Lầy lùnh hào khí (tiểu thuyết, viết xong 1958).⁽⁵⁵⁾

Nợ tình (tiểu thuyết, tiếp theo *Từ hôn*).⁽⁵⁶⁾

Nợ trái oan (tiểu thuyết).

Sống thác với tình (tiểu thuyết).

Tắt lửa lòng (tiểu thuyết).

1958: Tại Phú Nhuận, viết:

Hy sinh; và Lặn qua đời mới (viết dang dở)⁽⁵⁷⁾



Ngoài các tác phẩm đã kể trên, còn có: *Biểu Chánh thi văn* (ba tập).

Ngày 04/11, từ trần tại biệt thự Biểu Chánh,⁽⁵⁸⁾ quận Phú Nhuận, tỉnh Gia Định.⁽⁵⁹⁾

1959: Ngày 30/8, bà Hồ Biểu Chánh (Đào Thị Nhựt) tạ thế.

1988: Ngày 17 và 18/11, Hội thảo khoa học về nhà văn Hồ Biểu Chánh được tổ chức lần đầu tiên tại Tiền Giang, có ba mươi bài tham luận.

1989-2011: Nhiều tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh được dựng thành phim truyện:

Cay đắng mùi đời (đạo diễn Hồ Ngọc Xum).

Chúa tàu Kim Quy được dựng thành phim *Ấn oán nợ đời* (đạo diễn Vũ Ngọc Khôi).

Con nhà nghèo (đạo diễn Hồ Ngọc Xum).

Cư kinh được dựng thành phim *Tình án* (đạo diễn Võ Việt Hùng).

Khóc thầm (đạo diễn Võ Việt Hùng).

Lòng dạ đàn bà (đạo diễn Hồ Ngọc Xum).

Ngon cỏ gió đùa (đạo diễn Hồ Ngọc Xum).

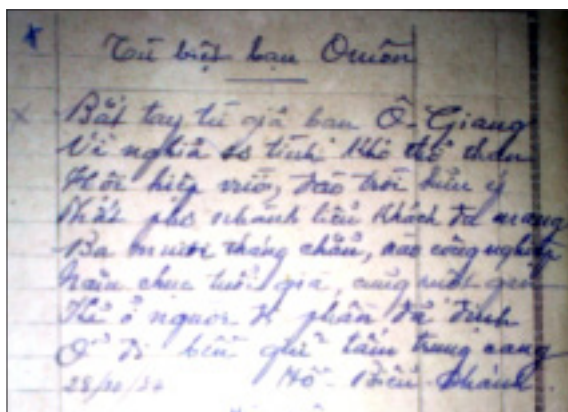
Nợ đời (đạo diễn Hồ Ngọc Xum).

Tại tôi (đạo diễn Võ Việt Hùng).

Tân Phong nữ sĩ (đạo diễn Võ Việt Hùng).

2002: Tiến sĩ Trang Quang Sen và Tiến sĩ Phan Tấn Tài (đều ở bên Đức) chuẩn bị lập trang www.hobieuchanh.com, và bắt đầu chuyển dần các bài viết lên mạng vào mùa hè 2003. Vài tác phẩm cuối cùng của Hồ Biểu Chánh tìm được và đưa lên mạng vào năm 2008 do hai người cháu nội nhà văn là Hồ Văn Kỳ Thoại (trưởng nam của Hồ Văn Kỳ Trân) và Hồ Văn Di Hấn (trưởng nam của Hồ Văn Di Hình) gởi tặng.

2003: Hậu duệ lập Nhà Lưu niệm Hồ Biểu Chánh (An Tấn Viên, số 30/23 đường số 8, tổ 40, phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM).



Thủ bút Hồ Biểu Chánh. Ảnh H.Kh.



Mộ Hồ Biểu Chánh. Ảnh H.Kh.



Nhà lưu niệm Hồ Biểu Chánh.
Ảnh H.Kh.

2006: Ngày 27/9, tại Mỹ Tho, Hội đồng Nhân dân tỉnh Tiền Giang, khóa VII, kỳ họp thứ 9, thông qua nghị quyết về việc đặt tên và đổi tên đường trên địa bàn thị xã Gò Công. Theo nghị quyết số 105/2006/NQ-HĐND do Chủ tịch Đỗ Tấn Minh ký, con đường vành đai phía bắc được đặt tên là đường Hồ Biểu Chánh.⁽⁶⁰⁾



Đường Hồ Biểu Chánh ở Gò Công
(trong ảnh là hai người cháu).

2012: Ngày 11/7, tại Quảng Bình, Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Bình, khóa XVI, kỳ họp thứ 5, thông qua nghị quyết đặt tên đường trên địa bàn thành phố Đồng Hới. Theo nghị quyết số 40/2012/NQ-HĐND do Chủ tịch Lương Ngọc Bính ký, đường Hồ Biểu Chánh tại xã Lộc Ninh dài 670 mét, nền đường 7,5 mét; điểm đầu là đường Lý Thánh Tông (quốc lộ 1A), điểm cuối là đường Lý Thánh Tông (quốc lộ 1A).⁽⁶¹⁾

2013: Thị trấn Khánh Hải (huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận) đặt tên đường Hồ Biểu Chánh (dài 136m, lộ giới 10m; điểm đầu đường Nguyễn Trung Trực, điểm cuối giáp đường Lê Thị Hồng Gấm).⁽⁶²⁾

Ghi chú: Còn có đường Hồ Biểu Chánh ở quận Phú Nhuận, TPHCM; và trước tháng 7/2010 đã có đường Hồ Biểu Chánh ở quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.^(*)

H K

CHÚ THÍCH

- (1) Đoạn thư này được viết lại, lộng kính, hiện treo tại Nhà Lưu niệm ở An Tất Viên số 30/23 đường số 8, tổ 40, phường 11, quận Gò Vấp, TPHCM, không ghi ngày tháng năm.
- (2) Từ năm 1956 các làng gọi là xã. Làng Bình Thành nhập với làng Bình Công, gọi là xã Thành Công. Quê của Hồ Biểu Chánh nay ở ấp Thanh Nhút, xã Bình Xuân, thị xã Gò Công.
(http://www.hobieuchanh.com/pages/baiviet/PhanThanhSac/GoCongTrongTieuThuyetHBC.htm#_ftn1).
- (3) Có lẽ vì ngày xưa trẻ con thường được làm giấy khai sanh trễ.
- (4) *Tự* 字 (tên chữ): Chỉ đặt cho phái nam, thường gồm hai từ đơn ghép lại. Theo *Lễ* ký, con trai hai mươi tuổi được làm lễ đội mũ (đánh dấu thời kỳ bắt đầu trưởng thành) và có thêm tên chữ (tự) để bày tỏ ý hướng đạo đức của chàng trai. *Biểu* 表 (động từ) là bày tỏ, biểu dương; (danh từ) là gương mẫu, mẫu mực. *Chánh* 正 (danh từ) là điều đúng đắn. *Biểu Chánh* có nghĩa bày tỏ, biểu dương cái đúng cho mọi người thấy rõ; cũng có nghĩa là việc đúng đắn làm gương cho người khác noi theo.
- (5) *Hiệu* 號: Tên đặt thêm ngoài tên thật, tên chữ.

* Tôi (HK) chân thành cảm tạ những tác giả đã có bài viết, công trình biên khảo về Hồ Biểu Chánh đã phổ biến qua sách báo, internet... nhờ đó giúp tôi nguồn tham khảo khả tín. Tôi cũng đặc biệt cảm tạ quý ông Trần Văn Cư, Trần Quốc Oai (hậu duệ nhà văn Hồ Biểu Chánh) sáng ngày thứ Bảy 12/10/2013 đã trò chuyện với tôi, giúp thêm ý kiến bổ sung một số chi tiết về cuộc đời Biểu Chánh tiên sinh...

- (6) Năm 1904, thực dân Pháp ra nghị định thành lập Hội đồng Hương chức (gọi là Bàn Hội tể), gồm mười hai chức vụ: (i) *Hương cả*: Chủ tịch Hội đồng, kiêm nhiệm vụ lưu trữ văn thư. (ii) *Hương chủ*: Phó chủ tịch Hội đồng kiêm nhiệm vụ thanh tra. (iii) *Hương sư*: Cố vấn luật lệ. (iv) *Hương trưởng*: Thủ quỹ, cố vấn giáo dục. (v) *Hương chánh*: Hòa giải và phân xử các vụ tranh tụng trong làng. (vi) *Hương giáo*: Thư ký Hội đồng, cố vấn cho các hương chức trẻ tuổi. (vii) *Hương quản*: Trưởng ban cảnh sát trong làng, kiểm tra sông rạch, đường sá trong làng. (viii) *Hương bộ*: Giữ sổ thuế và các loại sổ thu chi, kiêm nhiệm vụ bảo vệ công sở và các loại tài sản công cộng. (ix-xi) *Hương thân*, *Thôn trưởng* và *Hương hào*: Giữ nhiệm vụ trung gian giữa địa phương, chính quyền và tòa án cấp trên. *Thôn trưởng* giữ con dấu và được quyền xử lý các vụ việc thông thường. (xii) *Chánh lục bộ*: Coi hộ tịch và thông báo khi có dịch bệnh.
- Nghị định ngày 30/10/1927 của Toàn quyền Đông Dương quy định Hội đồng Hương chức Hội tể (gọi là Bàn Hội tể) gồm có mười hai chức vụ: (i) *Hương cả*: Quyền hạn như trước, có thêm nhiệm vụ quản lý cơ sở vật chất công cộng, chuyển nhiệm vụ lưu trữ văn thư sang Hương bộ. (ii) *Hương chủ*: Có thêm nhiệm vụ thủ quỹ, chuyển nhiệm vụ thanh tra sang Hương sư. (iii) *Hương sư*: Làm phó chủ tịch Hội đồng, kiêm nhiệm vụ thanh tra. (iv) *Hương trưởng*: Trông nom công việc giáo dục và văn hóa trong làng. (v) *Hương chánh*: Có thêm nhiệm vụ cố vấn các chức việc. (vi) *Hương giáo*: Nhiệm vụ y như trước. (vii) *Hương quản*: Có thêm nhiệm vụ phụ tá quan biện lý ở địa phương. (viii) *Hương bộ*: Giữ sổ thuế, sổ sách thu chi, thêm nhiệm vụ giữ công quỹ. (ix-xi) *Hương thân*, *Xã trưởng* và *Hương hào*: Nhiệm vụ như cũ. Hương hào có thêm nhiệm vụ trưởng ban cảnh sát trong làng, giám sát việc thi hành luật lệ, bảo trì đường bộ, đường sông và tổng đạt công văn tòa án. (xii) *Chánh lục bộ*: Nhiệm vụ như cũ.
- (7) Chợ Giồng Ông Huê (làng Vĩnh Lợi) nằm trên bờ sông Vĩnh Bình. Xưa ông Phan Văn Huê (qua đời 1895) đến lập nghiệp, khai phá và sở hữu nhiều ruộng đất ở làng Vĩnh Lợi. Ông cất chợ gần các giồng đất, nên gọi là chợ Giồng Ông Huê, gọi tắt là Chợ Giồng. Vợ trước ông Huê là Lê Thị Vân, sanh con gái lớn là Phan Thị Huê. Bà Huê là bà nội nhà văn Hồ Biểu Chánh. (http://www.gocong.com/forums/forum_posts.asp?TID=391).
- Hồ Biểu Chánh có nhắc Chợ Giồng trong tiểu thuyết *Con nhà nghèo* (1930): “... con gái của bà, là cô Ba Nhân, đã có chồng nên về ở theo bên chồng trong chợ Giồng Ông Huê.” và trong tiểu thuyết *Tơ hồng vương vấn* (1955): “Lúc ấy trong hạt Gò Công, tại chợ Giồng Ông Huê, mà bây giờ người ta gọi tắt là chợ Giồng, ...” Chợ Giồng Ông Huê nay thuộc thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.
- (8) Một nghị định ngày 17/3/1879 của Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers thành lập *collège de Mỹ Tho* tại tỉnh Mỹ Tho (nghị định bổ sung ngày 14/6/1880). Ngày 02/12/1942, trường đổi tên là *collège Le Myre de Vilers*. Do nghị định 179-NĐ ngày 22/3/1953 của Tổng trưởng Giáo dục Nguyễn Thành Giung, trường đổi tên là *Trung học Nguyễn Đình Chiểu* cho tới nay.
- (9) Lược sử trường như sau: Pháp thành lập *école Normale colonial* (Trường Sư phạm thuộc địa, ngày 10/7/1871); xây trên phần đất chùa Khải Tường (12/8/1871). Đổi tên thành *collège Indigène* (Trường Bản xứ, 1874). Đổi tên thành *collège Chasseloup-Laubat* (1876), chia ra khu Âu (*quartier européen*) và khu bản xứ (*quartier indigène*). Tách khu bản xứ nhập sang *collège de Cochinchine* (Trung học Nam Kỳ, 15/7/1927). Collège Chasseloup-Laubat đổi tên thành *lycée Chasseloup-Laubat* (1928), còn collège de Cochinchine đổi tên thành *lycée Petrus Ký*. Lycée Chasseloup-Laubat đổi tên thành *lycée Jean Jacques Rousseau* (1958), và sau cùng là *Trung học Lê Quý Đôn* (1966 cho tới nay).
- (10) *Ký lục*: Viên chức cấp thấp, có nhiệm vụ ghi chép sổ sách trong các công sở ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc, tức là thư ký (*secrétaire*). Ca dao có câu: *Chiều chiều lại nhớ chiều chiều / Nhớ thấy Ký lục ăn liều bánh ngô*. (Bánh ngô: Bánh chế biến từ bột bắp, chiên hoặc hấp).
- (11) Phủ Thống đốc Nam Kỳ đặt tại Sài Gòn (về sau gọi là Dinh Gia Long, nay là Bảo tàng TP HCM, số 65 Lý Tự Trọng, quận 1). Xưa kia, người miền Nam quen gọi là Soái phủ Nam Kỳ (*Gouvernement des Amiraux*), vì cho tới năm 1878 nó còn là trụ sở của một quan võ Pháp, hàm Lieutenant-Gouverneur, tức Phó Soái. Kể từ năm 1879 mới thay quan võ bằng quan văn, và Thống đốc Nam Kỳ (dân sự) đầu tiên là Le Myre de Vilers.

- (12) Cũng gọi Dinh Thượng thơ. Nơi này về sau là Dinh Thủ hiến Nam Việt (1946), Tòa Đại biểu Nam Phần, Bộ Kinh tế (Việt Nam Cộng Hòa) nằm trên đường Tự Do (nay là Đồng Khởi) gần góc đường Gia Long (nay là Lý Tự Trọng), quận Nhứt, Sài Gòn.
- (13) Trong hồi ký *Đời của tôi (về văn nghệ)*, bản đánh máy, viết tại Phú Nhuận, ghi ngày 24/12/1957), Hồ Biểu Chánh kể: “Năm 1906 ra khỏi nhà trường, nhận thấy các ấn quán ở Sài Gòn muốn người dịch truyện Tàu và thơ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ đăng in mà bán. Từ thành thị ra thôn quê, nhơn dân đua nhau mà đọc. Có vài tờ tuần báo cũng được người ta chú ý. Thăm nghĩ, người mình mà biết chuyện bên Tàu không bổ ích cho bằng biết chuyện trong nước mình. Tính viết truyện văn vần cho đăng vào mấy tờ tuần báo để đồng bào đọc thử. Viết khó khăn hết sức, vì thiếu Nho học nên không tìm ra lời mà tả trí ý cho người ta thông cảm được. Phải học chữ Nho. Trót ba năm, nhờ vài ông bạn lớn tuổi ban đêm làm ơn dạy giùm cho đọc được sách Tàu.” (Dẫn theo Thụy Khuê, tại <http://thuykhue.free.fr/mucluc/hobieuchanh.html>).
- (14) Hồ Biểu Chánh kể: “Năm 1910, lựa những chuyện hay trong Tinh sử và Kim cổ kỳ quan [chữ Hán] dịch ra quốc văn nhan đề Tân soạn cổ tích đăng tập viết cho suông. Cũng viết theo thể văn thượng lục hạ bát thành một truyện dài nhan đề U tình lục, chuyện tình của người trong nước mình. Hai quyển này được mấy bạn hùn tiền in thử thì không ai chê.” (Dẫn theo Thụy Khuê).
- (15) *Tòa Bó*: Cơ quan hành chánh (sau này gọi là Tòa Tỉnh trưởng), đứng đầu là Chủ tỉnh (sau này gọi là Tỉnh trưởng).
- (16) Hồ Biểu Chánh kể: “Lúc đó cụ Trần Chánh Chiếu [Gilbert Chiếu, 1868-1919] cho xuất bản quyển Hoàng Tố Oanh hàm oan, là tiểu thuyết đầu tiên trong Lục Tinh, truyện tình tả nhơn vật trong xứ và viết theo điệu văn xuôi. Đọc quyển này, cảm thấy viết truyện dùng văn xuôi dễ cảm hóa người đọc hơn, bởi vậy năm 1912, đổi xuống làm việc tại Cà Mau mới viết thử quyển Ai làm được, là quyển thứ nhứt viết văn xuôi tại Cà Mau với nhơn vật cũng ở Cà Mau.” (Dẫn theo Thụy Khuê).
- (17) Hồ Biểu Chánh kể: “Đổi lên Long Xuyên năm sau [1913] viết quyển thứ nhì, cũng văn xuôi, nhan đề Chúa tàu Kim Quy, phỏng theo quyển Le Comte de Monte-Cristo [Bá Tước Monte-Cristo] của Alexandre Dumas [cha, Pháp, 1802-1870], viết điệu phiêu lưu, nghĩ có lẽ hấp dẫn hơn.” (Dẫn theo Thụy Khuê).
- (18) Phóng tác theo *Le Cid*, bi kịch của Pierre Corneille (Pháp, 1606-1684).
- (19) Trong hồi ký *Đời của tôi (về văn nghệ)*, Hồ Biểu Chánh cho biết lý do ngừng viết trong chín năm (1913-1922) như sau: “Kể, Thế giới chiến tranh thứ nhứt bùng nổ, công việc đa đoan, không viết tiểu thuyết được nữa... chỉ viết mấy hài kịch nho nhỏ cho mấy thầy hát đặng kiếm tiền giúp cho chiến sĩ Việt Nam ngoài mặt trận Âu Châu. Năm 1917 làm Đại Việt tạp chí ở Long Xuyên. Năm 1918, dời về Gia Định, phụ bút cho mấy tờ báo Quốc dân diễn đàn, Nông cổ mìn đàm, Công luận báo, Lục Tinh tân văn, Đông Pháp thời báo.” (Dẫn theo Thụy Khuê).
- (20) Ngạch Tri huyện có hai hạng: Tri huyện hạng nhì (*huyện de 2e classe*); Tri huyện hạng nhứt (*huyện de 1er classe*). Tham khảo: Ngày 14/7/1920 ông Ngô Văn Chiêu (1878-1932) thăng Tri huyện hạng nhứt, tiền lương 1.222 đồng.
- (21) Hồ Biểu Chánh kể: “Năm 1922, vì kiểm duyệt gắt gao, nghĩ viết báo vô ích, mới bỏ mà chấn chỉnh lại hai quyển tiểu thuyết viết hồi 1912 tại Cà Mau [Ai làm được] và 1913 tại Long Xuyên [Chúa tàu Kim Quy], cho xuất bản và viết thêm tám quyển mới nữa. (Dẫn theo Thụy Khuê).
- (22) Phóng tác theo *Sans famille* (Không gia đình), của Hector Malot (Pháp, 1830-1907).
- (23) Huân chương này do Quốc vương Sisowath I (trị vì 1904-1927) lập ngày 01/02/1905.
- (24) Phóng tác theo *Les Misérables* (Những người khốn khổ) của Victor Hugo (Pháp, 1802-1885). Theo Thụy Khuê, Hồ Biểu Chánh dành năm năm để dàn dựng cốt truyện *Ngọn cỏ gió đùa*, sau đó ông viết trong vòng hai tháng thì xong, và in năm 1926. (<http://thuykhue.free.fr/mucluc/hobieuchanh.html>).
- (25) Phóng tác theo *Les Amours d'Estève*, của André Theuriot (Pháp, 1833-1907).
- (26) Cũng như Tri huyện, ngạch Tri phủ có hai hạng: Tri phủ hạng nhì (*phủ de 2e classe*); Tri phủ hạng nhứt (*phủ de 1er classe*). Tham khảo: Ngày 01/01/1924 ông Ngô Văn Chiêu thăng lên

- ngạch Tri phủ hạng nhì (*phủ de 2e classe*), tiền lương là 1.672 đồng. Ngày 01/7/1926 ông Ngô Văn Chiêu thăng lên ngạch Tri phủ hạng nhứt, tiền lương là 1.933 đồng (Tri phủ thấp hơn ngạch Đốc phủ sứ, thường gọi tắt là Đốc phủ).
- (27) Huy chương Đại Nam Long Tinh (gồm năm hạng), do vua Đồng Khánh (1885-1888) lập ra ngày 14/3/1886. (<http://www.indochinamedals.com>).
- (28) Phóng tác theo *En famille* (Trong gia đình), của Hector Malot.
- (29) Phóng tác theo *Les Deux Gosses*, của Pierre Decourcelle (Pháp, 1856-1926).
- (30) Phóng tác theo *Le Calvaire*, của Pierre Decourcelle.
- (31) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (32) Phóng tác theo *Fanfan et Claudinet*, của Pierre Decourcelle.
- (33) Hồ Biểu Chánh kể: “Từ năm 1927 tới 1932 làm Chủ quận Càng Long, viết thêm tám quyển mới nữa, cộng trước sau dưới mười tám quyển.” (Dẫn theo Thụy Khuê).
- (34) Phóng tác theo *Topaze*, của Marcel Pagnol (Pháp, 1895-1974).
- (35) Phóng tác theo *L'Aristo* (Hồ Biểu Chánh không ghi tên tác giả bản gốc).
- (36) Phóng tác theo *Le Rosaire* (Hồ Biểu Chánh không ghi tên tác giả bản gốc).
- (37) Do Quốc vương Norodom I (trị vì 1860-1904) lập ngày 08/02/1864.
- (38) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (39) Phóng tác theo *Crime et Châtiment* (Tội ác và hình phạt), của Dostoievski (Nga, 1821-1881). Trong toàn bộ sáu mươi bốn cuốn tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, có mười một cuốn phóng tác theo tiểu thuyết Pháp, một cuốn theo tiểu thuyết Nga. Trong hồi ký *Đời của tôi (về văn nghệ)*, Hồ Biểu Chánh kể: “Đọc tiểu thuyết hay tưởng hát Pháp văn mà tôi cảm thì tôi lấy chỗ cảm đó mà làm đề, rồi phỏng theo ít nhiều hoặc lấy đó mà sáng tác một tác phẩm hoàn toàn Việt Nam. Tuy tôi nói phỏng theo kỳ thiệt chỉ lấy đại ý mà thôi, mà có khi tôi còn lật ngược tới đại ý, làm cho cốt truyện trái hẳn tâm lý, khác xa với truyện Pháp.” (Dẫn theo Thụy Khuê).
- (40) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html. Có tài liệu ghi năm 1940.
- (41) *Đốc lý*: Thị trưởng, Đô trưởng (*maire*).
- (42) *Bắc Đẩu bội tinh*: Huân chương rất cao quý của Pháp, do Napoléon Bonaparte (1769-1821) lập ra ngày 19/5/1802, gồm năm hạng; hạng năm là *Chevalier* (Hiệp sĩ), hạng nhất là *Grand Croix* (Đại thập tự).
- (43) Ra mắt ngày 01/10/1942 và đình bản với số kép 53-54 vào tháng 12/1944 và tháng 01/1945. Hồ Văn Kỳ Trân làm quản lý.
- (44) Phát hành ngày thứ Năm hàng tuần, ra mắt năm 1942. *Nam Kỳ tuần báo* ra tổng cộng được 85 số và đình bản vào ngày 08/6/1944.
- (45) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (46) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (47) Cộng hòa tự trị Nam Kỳ (*République autonome de Cochinchine*), cũng gọi là: Nam Kỳ Cộng hòa quốc, Nam Kỳ quốc, Cộng hòa Nam Kỳ, Nam Kỳ tự trị. Đây là một “chánh quyền” giả hiệu do thực dân Pháp bày ra (do âm mưu của D'Argenlieu, là Cao ủy Pháp tại Đông Dương). “Chánh phủ” này không có tài chánh, không có quân đội, không có cả trụ sở; bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh phải lấy phòng khám bệnh (phòng mạch) của ông để “chánh phủ” làm việc. Khi biết bị thực dân lừa gạt, bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh đã thắt cổ chết thảm tại phòng mạch của mình vào ngày 10/11/1946.
- (48) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (49) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (50) Nguyên là Trường Dạy nghề Biên Hòa (cũng gọi Trường Bá nghệ Biên Hòa: *École professionnelle de Biên Hòa*, 1903), lần lượt đổi tên thành Trường Mỹ nghệ bản xứ Biên Hòa (*École d'Art indigène de Biên Hòa*, tháng 9/1913), Trường Mỹ nghệ Thực hành Biên Hòa (*École des Arts appliqués de Biên Hòa*, 1944), Trường Kỹ thuật Biên Hòa (1964), Trường Phổ thông Công nghiệp Đồng Nai (1977), Trường Trung học Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai (1978), và Trường Cao đẳng Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai (từ 1998 đến nay). Theo: dongnaiart.edu.vn

- (51) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (52) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (53) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (54) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (55) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (56) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (57) Theo http://www.hobieuchanh.com/pages/tacpham_thoigian.html
- (58) Biệt thự Biểu Chánh nằm trong hẻm 49, nhà số 11. Cùng hẻm, nhà số 1 là cửa thông gia (Trần Văn Mẹo, cha vợ của Hồ Văn Di Hình). Hẻm 49 (nay là đường Hồ Biểu Chánh) ăn thông ra đường Ngô Đình Khôi (nay là Nguyễn Văn Trỗi).
- (59) Hồ Văn Kỳ Trân (con trưởng) kể:
“Bệnh đã càng ngày càng thêm mà ba tôi không chịu nghỉ viết. Thấy thuốc cấm. Ba tôi vẫn viết. Con cháu năn nỉ lắm thì ba tôi chỉ nghỉ vài ngày rồi viết nữa và bảo rằng: ‘Ba còn viết được thì cứ để cho ba viết. Ba không viết được thì lòng thấy bút rút, người thấy khó chịu hơn. Có viết được lòng mới thấy yên ổn, người mới thấy thư thả dễ chịu. Viết là một phương thuốc, là một cách trị bệnh cho ba đó.’ (...)
Cách đó ít bữa thì ba tôi từ trần. Trên bàn viết còn để lại bản thảo một tác phẩm viết dở.” (Dẫn theo Thụy Khuê).
- (60) Theo <http://thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-quyet-105-2006-NQ-HDND-doi-ten-duong-xa-Go-Cong-Tien-Giang-vb199196.aspx>
- (61) Theo <http://thuvienphapluat.vn/archive/Nghi-quyet-40-2012-NQ-HDND-dat-ten-duong-thanh-pho-Dong-Hoi-lan-thu-5-vb147674.aspx>
- (62) Theo <http://baoninhthuan.com.vn/diendan/48068p1c30/ninh-hai-dat-ten-duong-cho-thi-tran-khanh-hai.htm>

TÓM TẮT

Hồ Văn Trung (1884-1958), người Gò Công, là một công chức thanh liêm thời Pháp thuộc, làm Chủ quận (Quận trưởng) nhiều quận ở Nam Kỳ thuộc Pháp. Với bút danh Hồ Biểu Chánh, ông viết nhiều thể loại: thơ, truyện ngắn, khảo luận, phê bình, kịch, và đã xuất bản hơn sáu mươi tiểu thuyết. Ông được xem là một trong những nhà văn góp phần khai phóng văn học miền Nam đầu thế kỷ 20. Trong những năm 1989-2011, nhiều tiểu thuyết của ông được dựng thành phim. Hiện nay, ở quê nhà ông, tại quận Phú Nhuận (TPHCM), và vài tỉnh trong Nam, ngoài Trung có những con đường mang tên Hồ Biểu Chánh.

ABSTRACT

A CHRONOLOGICAL RECORD OF HỒ BIỂU CHÁNH (1884-1958)

Born in Gò Công Province, Hồ Văn Trung (1884-1958) was an honest chief of various districts in French Cochinchina. Under the alias Hồ Biểu Chánh, he is well-known as a prolific writer whose works include various literary genres such as poetry, short stories, nonfiction essays, critiques, plays, and novels. Having published over sixty novels, he is among the pioneers in the dawn of the twentieth century literature in Cochinchina. Based on his novels, lots of films were produced during the years 1989-2011. At present, in his home province, as well as Phú Nhuận District (HCMC) and some provinces in southern and central Vietnam, his alias Hồ Biểu Chánh has been chosen to name some streets.